



Phụ lục IV
BỔ SUNG GHI CHÚ CỦA MỘT SỐ DỊCH VỤ KỸ THUẬT Y TẾ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 19 tháng 01 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Mã theo TT50 (*)	Tên theo Thông tư 50/2014/TT-BYT	Tên danh mục tại Phụ lục III Nghị quyết này	Ghi chú
1	1.209	Dẫn lưu não thất cấp cứu ≤ 8 giờ	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nông	Chưa bao gồm bộ dẫn lưu não thất và đo áp lực nội sọ. Thanh toán theo số lần thực hiện kỹ thuật đặt dẫn lưu, không thanh toán theo giờ.
2	1.231	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu	Thủ thuật loại I (HSCC - CD)	Chưa bao gồm bộ ống thông Blakemore
3	2.127	Triệt đốt thần kinh giao cảm động mạch thận bằng năng lượng sóng tần số radio qua đường ống thông trong điều trị tăng huyết áp kháng trị	Chụp và can thiệp tim mạch (van tim, tim bẩm sinh, động mạch vành) dưới DSA	Chưa bao gồm catheter đốt và cấp nối
4	2.219	Nội soi bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất	Nội soi bàng quang không sinh thiết	Chưa bao gồm hóa chất
5	2.461	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng cao tần thông thường	Điều trị suy tĩnh mạch bằng Laser nội mạch	Chưa bao gồm bộ dụng cụ điều trị rối loạn nhịp tim bằng RF.
6	10.51	Phẫu thuật u rỗng thần kinh ngoài màng tủy kèm tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía sau	Phẫu thuật nội soi não hoặc tủy sống	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đốt sống nhân tạo.
7	10.53	Phẫu thuật u trong và ngoài ống sống, kèm tái tạo đốt sống, bằng đường vào trước hoặc trước-ngoài	Phẫu thuật nội soi não hoặc tủy sống	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đốt sống nhân tạo.
8	10.167	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch máu chi	Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)	Chưa bao gồm đoạn mạch nhân tạo.
9	10.175	Phẫu thuật Hybrid trong cấp cứu mạch máu (phẫu thuật mạch + can thiệp mạch)	Phẫu thuật đặc biệt (Ngoại khoa)	Chưa bao gồm: mạch nhân tạo, keo sinh học, bóng nong, stent, các vật liệu nút mạch, các loại ống thông hoặc vi ống thông, các loại dây dẫn hoặc vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối.
10	10.249	Phẫu thuật bắc cầu điều trị thiếu máu mạn tính chi	Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)	Chưa bao gồm đoạn mạch nhân tạo.
11	10.250	Phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật	Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)	Chưa bao gồm đoạn mạch nhân tạo.

STT	Mã theo TT50 (*)	Tên theo Thông tư 50/2014/TT-BYT	Tên danh mục tại Phụ lục III Nghị quyết này	Ghi chú
12	10.251	Phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi bán cấp tính	Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)	Chưa bao gồm đoạn mạch nhân tạo.
13	10.258	Phẫu thuật bắc cầu động mạch nách – động mạch đùi	Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)	Chưa bao gồm đoạn mạch nhân tạo.
14	10.270	Phẫu thuật Hybrid điều trị bệnh mạch máu (phẫu thuật mạch + can thiệp mạch)	Phẫu thuật đặc biệt (Ngoại khoa)	Chưa bao gồm: mạch nhân tạo, keo sinh học, bóng nong, stent, các vật liệu nút mạch, các loại ống thông hoặc vi ống thông, các loại dây dẫn hoặc vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, dụng cụ lấy dị vật, bộ dụng cụ lấy huyết khối.
15	10.312	Chọc hút và bơm thuốc vào nang thận	Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của siêu âm	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
16	10.312	Chọc hút và bơm thuốc vào nang thận	Chọc hút hạch hoặc u hoặc áp xe hoặc các tổn thương khác dưới hướng dẫn của cắt lớp vi tính	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
17	10.313	Dẫn lưu đài bể thận qua da	Đặt sonde JJ niệu quản	Chưa bao gồm sonde.
18	10.318	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	Đặt sonde JJ niệu quản	Chưa bao gồm sonde.
19	10.383	Đặt ống Stent chữa bí đái do phì đại tiền liệt tuyến	Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ	Chưa bao gồm stent.
20	10.603	Lấy huyết khối tĩnh mạch cửa	Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng	Chưa bao gồm đoạn mạch nhân tạo.
21	10.604	Các loại phẫu thuật phân lưu cửa chủ	Phẫu thuật khâu lỗ thủng tiêu hóa hoặc lấy dị vật ống tiêu hóa hoặc đẩy bã thức ăn xuống đại tràng	Chưa bao gồm đoạn mạch nhân tạo.
22	10.618	Thăm dò kết hợp với tiêm cồn hoặc đốt sóng cao tần hoặc áp lạnh	Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo	Chưa bao gồm kim đốt sóng cao tần.
23	10.823	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới	Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)	Chưa bao gồm kim găm, nẹp vít.

STT	Mã theo TT50 (*)	Tên theo Thông tư 50/2014/TT-BYT	Tên danh mục tại Phụ lục III Nghị quyết này	Ghi chú
24	10.829	Phẫu thuật phương pháp Suave.Kapandji và điều trị viêm khớp quay trụ dưới	Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)	Chưa bao gồm kim găm, nẹp vít.
25	15.2	Phẫu thuật cấy máy trợ thính đường xương (BAHA)	Phẫu thuật loại I (Tai Mũi Họng)	Chưa bao gồm máy trợ thính đường xương.
26	18.580	Đốt sóng cao tần điều trị các khối u số hóa xóa nền	Điều trị các tổn thương xương, khớp, cột sống và các tạng dưới DSA (đồ xi măng cột sống, điều trị các khối u tạng và giá u xương...)	Chưa bao gồm bộ kim đốt và dây dẫn tín hiệu.
27	27.65	Phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống thắt lưng qua lỗ liên hợp	Phẫu thuật nội soi khớp gối hoặc khớp háng hoặc khớp vai hoặc cổ chân	Chưa bao gồm bộ kit dùng trong điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống, mũi khoan (mài), dây bơm nước, tấm phủ, đầu đốt RF.
28	27.66	Phẫu thuật nội soi cắt bán sống giải ép trong hẹp ống sống thắt lưng	Phẫu thuật nội soi khớp gối hoặc khớp háng hoặc khớp vai hoặc cổ chân	Chưa bao gồm bộ kit dùng trong điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống, mũi khoan (mài), miếng ghép đĩa đệm, nẹp, vít.
29	27.68	Phẫu thuật nội soi lấy đĩa đệm cột sống ngực đường trước trong vẹo cột sống	Phẫu thuật nội soi khớp gối hoặc khớp háng hoặc khớp vai hoặc cổ chân	Chưa bao gồm hệ thống bộ kit dùng trong điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống, mũi khoan (mài), miếng ghép đĩa đệm, nẹp, vít, xương nhân tạo hoặc sản phẩm thay thế xương.
30	27.69	Phẫu thuật nội soi chỉnh vẹo cột sống ngực	Phẫu thuật nội soi khớp gối hoặc khớp háng hoặc khớp vai hoặc cổ chân	Chưa bao gồm hệ thống bộ kit dùng trong điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống, mũi khoan (mài), miếng ghép đĩa đệm, nẹp, vít, xương nhân tạo hoặc sản phẩm thay thế xương.
31	27.70	Phẫu thuật nội soi lấy thoát vị đĩa đệm cột sống cổ đường sau	Phẫu thuật nội soi khớp gối hoặc khớp háng hoặc khớp vai hoặc cổ chân	Chưa bao gồm mũi khoan (mài).
32	27.74	Phẫu thuật nội soi lấy đĩa đệm cột sống ngực	Phẫu thuật nội soi khớp gối hoặc khớp háng hoặc khớp vai hoặc cổ chân	Chưa bao gồm mũi khoan (mài), miếng ghép đĩa đệm, nẹp
33	27.82	Phẫu thuật nội soi cắt - khâu kén khí phổi	Nội soi màng phổi, sinh thiết màng phổi	Chưa bao gồm: máy cắt nối tự động, ghim khâu máy; hoặc Stapler.
34	27.90	Phẫu thuật nội soi cắt u trung thất nhỏ (< 5 cm)	Nội soi màng phổi, sinh thiết màng phổi	Chưa bao gồm: máy cắt nối tự động, ghim khâu máy; hoặc Stapler.

STT	Mã theo TT50 (*)	Tên theo Thông tư 50/2014/TT-BYT	Tên danh mục tại Phụ lục III Nghị quyết này	Ghi chú
35	27.91	Phẫu thuật nội soi cắt u trung thất lớn (> 5 cm)	Phẫu thuật nội soi cắt u trung thất	Chưa bao gồm: máy cắt nối tự động, ghim khâu máy; hoặc Stapler.
36	27.94	Phẫu thuật nội soi cắt một phần thùy phổi, kén - nang phổi	Phẫu thuật nội soi ngực bệnh lý hoặc chấn thương	Chưa bao gồm: máy cắt nối tự động, ghim khâu máy; hoặc Stapler.
37	27.95	Phẫu thuật nội soi cắt một thùy phổi	Phẫu thuật nội soi ngực bệnh lý hoặc chấn thương	Chưa bao gồm: máy cắt nối tự động, ghim khâu máy; hoặc Stapler.
38	27.96	Phẫu thuật nội soi cắt một thùy phổi kèm nạo vét hạch	Phẫu thuật nội soi ngực bệnh lý hoặc chấn thương	Chưa bao gồm: máy cắt nối tự động, ghim khâu máy; hoặc Stapler.
39	27.97	Phẫu thuật nội soi cắt một phổi	Phẫu thuật nội soi ngực bệnh lý hoặc chấn thương	Chưa bao gồm: máy cắt nối tự động, ghim khâu máy; hoặc Stapler.
40	27.98	Phẫu thuật nội soi cắt một phổi kèm nạo vét hạch	Phẫu thuật nội soi ngực bệnh lý hoặc chấn thương	Chưa bao gồm: máy cắt nối tự động, ghim khâu máy; hoặc Stapler.
41	27.99	Phẫu thuật nội soi cắt - nối phế quản	Phẫu thuật nội soi ngực bệnh lý hoặc chấn thương	Chưa bao gồm: máy cắt nối tự động, ghim khâu máy; hoặc Stapler.
42	27.135	Phẫu thuật mở cơ thực quản nội soi ngực phải điều trị bệnh co thắt thực quản lan tỏa	Phẫu thuật đặc biệt (Phẫu thuật Nội soi)	Chưa bao gồm dao hàn mạch, hàn mô.
43	27.313	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo đường vào hoàn toàn trước phúc mạc (TEP)	Phẫu thuật loại I (Nội soi)	Chưa bao gồm tấm lưới nhân tạo.
44	27.314	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo trước phúc mạc đường vào qua ổ bụng (TAPP)	Phẫu thuật loại I (Nội soi)	Chưa bao gồm tấm lưới nhân tạo.
45	27.315	Phẫu thuật nội soi đặt lưới nhân tạo trong ổ bụng	Phẫu thuật loại I (Nội soi)	Chưa bao gồm tấm lưới nhân tạo.
46	27.354	Tán sỏi thận qua da	Phẫu thuật loại I (Nội soi)	Chưa bao gồm sonde JJ.
47	27.355	Nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	Phẫu thuật loại I (Nội soi)	Chưa bao gồm sonde JJ và rọ lấy sỏi.
48	27.445	Phẫu thuật nội soi đính lại điểm bám gân nhĩ đầu	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng	Chưa bao gồm lưới bảo (mài), bộ dây bơm nước, đầu đốt điện, tay dao đốt điện, ốc, vít.
49	27.448	Phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay	Phẫu thuật nội soi khớp gối hoặc khớp háng hoặc khớp vai hoặc cổ chân	Chưa bao gồm lưới bảo (mài), bộ dây bơm nước, đầu đốt điện, tay dao đốt điện, ốc, vít.

STT	Mã theo TT50 (*)	Tên theo Thông tư 50/2014/TT-BYT	Tên danh mục tại Phụ lục III Nghị quyết này	Ghi chú
50	27.451	Phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp khuỷu	Phẫu thuật loại I (Nội soi)	Chưa bao gồm lưới bảo (mài), bộ dây bơm nước, đầu đốt điện, tay dao đốt điện, ốc, vít.
51	27.454	Phẫu thuật nội soi điều trị viêm mòm trên lõi cầu ngoài	Phẫu thuật loại I (Nội soi)	Chưa bao gồm lưới bảo (mài), bộ dây bơm nước, đầu đốt điện, tay dao đốt điện, ốc, vít.
52	14.49	Phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính	Cắt dịch kính đơn thuần hoặc lấy dị vật nội nhãn	Chưa bao gồm: thủy tinh thể nhân tạo, đầu cắt dịch kính, đầu laser, dây dẫn sáng.
53	14.42	Lấy thể thủy tinh sa, lệch trong bao phối hợp cắt dịch kính có hoặc không cố định IOL	Phẫu thuật cắt thủy tinh thể	Chưa bao gồm đầu cắt, thủy tinh thể nhân tạo.
54	14.43	Cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL	Phẫu thuật cắt thủy tinh thể	Chưa bao gồm đầu cắt, thủy tinh thể nhân tạo.
55	01.0023	Thăm dò huyết động theo phương pháp PiCCO	Đặt catheter động mạch quay	Chưa bao gồm bộ theo dõi cung liên tục tim PiCCO (catheter động mạch đùi có đầu nhận cảm biến)
56	01.0247	Hạ thân nhiệt chỉ huy	Lọc máu liên tục (01 lần)	Chưa bao gồm: bộ bẫy khí và hệ thống kết nối (bộ dây truyền dịch ICY hoặc chân hạ nhiệt)
57	01.0322	Khai thông động mạch vành bằng sử dụng thuốc tiêu sợi huyết trong điều trị nhồi máu cơ tim cấp	Đặt catheter động mạch quay	Chưa bao gồm thuốc tiêu sợi huyết
58	01.0346	Khai thông mạch não bằng điều trị thuốc tiêu sợi huyết trong nhồi máu não cấp	Đặt catheter động mạch quay	Chưa bao gồm thuốc tiêu sợi huyết
59	1,0386	Khai thông động mạch phổi bằng sử dụng thuốc tiêu sợi huyết trong điều trị tắc mạch phổi cấp	Đặt catheter động mạch quay	Chưa bao gồm thuốc tiêu sợi huyết
60	01.0191	Lọc máu hấp phụ bằng quá lọc resin	Thận nhân tạo cấp cứu	Chưa bao gồm quá lọc hấp phụ và dây dẫn

STT	Mã theo TT50 (*)	Tên theo Thông tư 50/2014/TT-BYT	Tên danh mục tại Phụ lục III Nghị quyết này	Ghi chú
61	27101	Phẫu thuật nội soi sửa van hai lá	Phẫu thuật tim các loại (tim bẩm sinh hoặc sửa van tim hoặc thay van tim...)	Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, keo sinh học, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá, dung dịch bảo vệ tạng, dây truyền dung dịch bảo vệ tạng.
62	27.102	Phẫu thuật nội soi thay van hai lá	Phẫu thuật tim các loại (tim bẩm sinh hoặc sửa van tim hoặc thay van tim...)	Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, keo sinh học, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá, dung dịch bảo vệ tạng, dây truyền dung dịch bảo vệ tạng.
63	27.103	Phẫu thuật nội soi đóng lỗ thông liên nhĩ	Phẫu thuật tim các loại (tim bẩm sinh hoặc sửa van tim hoặc thay van tim...)	Chưa bao gồm bộ tim phổi nhân tạo và dây chạy máy, vòng van và van tim nhân tạo, mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, keo sinh học, quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, miếng vá, dung dịch bảo vệ tạng, dây truyền dung dịch bảo vệ tạng;
64	2.266	Nội soi can thiệp - Nong thực quản bằng bóng	Nong thực quản qua nội soi	Chưa bao gồm bóng nong thực quản
65	2.321	Siêu âm can thiệp - Đặt dẫn lưu đường mật, đặt stent đường mật qua da	Đặt stent đường mật hoặc tụy dưới hướng dẫn của siêu âm	Chưa bao gồm stent, dao cắt, catheter, guidewire, bộ dẫn lưu đường mật
66	2277	Nội soi can thiệp - mở thông dạ dày	Mở thông dạ dày qua nội soi	Chưa bao gồm bộ mở thông dạ dày qua da
67	1128	Thông khí nhân tạo không xâm nhập	Thở máy	Chưa bao gồm bộ dây máy thở cao tần các loại, các cỡ. Trường hợp sử dụng bộ dây máy thở cao tần thì trừ đi 34.000 đồng chi phí bộ dây máy thở và 5.360 đồng bộ làm ấm oxy).

STT	Mã theo TT50 (*)	Tên theo Thông tư 50/2014/TT-BYT	Tên danh mục tại Phụ lục III Nghị quyết này	Ghi chú
68	1.0067	Đặt nội khí quản 2 nòng	Đặt nội khí quản	Chưa bao gồm ống nội khí quản 2 nòng. Trường hợp sử dụng ống nội khí quản 2 nòng thì trừ 19.500 đồng chi phí ống nội khí quản thông thường.
69	1.0070	Đặt ống nội khí quản có cửa hút trên bóng chèn (Hi-low EVAC)	Đặt nội khí quản	Chưa bao gồm ống Hi_low EVAC. Trường hợp sử dụng ống Hi_low EVAC thì trừ 19.500 đồng chi phí ống nội khí quản thông thường.
70	7.0200	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng vết thương hoặc mô chiều dài ≤ 15 cm	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.
71	7.0201	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng vết mô chiều dài trên 15cm đến 30 cm	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.
72	7.0202	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng vết thương hoặc mô chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.
73	7.0203	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng vết thương hoặc mô chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.
74	7.0204	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng vết thương hoặc mô chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.
75	7.0205	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng vết thương hoặc mô chiều dài > 50 cm nhiễm trùng	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.

STT	Mã theo TT50 (*)	Tên theo Thông tư 50/2014/TT-BYT	Tên danh mục tại Phụ lục III Nghị quyết này	Ghi chú
76	10140	Phẫu thuật thay bộ phát kích thích điện cực thần kinh, đặt dưới da	Cấy hoặc đặt máy tạo nhịp hoặc cấy máy tạo nhịp phá rung	Chưa bao gồm bộ phát kích thích điện cực thần kinh và các phụ kiện kèm theo
77	10141	Phẫu thuật đặt dưới da bộ phát kích thích điện cực thần kinh	Cấy hoặc đặt máy tạo nhịp hoặc cấy máy tạo nhịp phá rung	Chưa bao gồm bộ phát kích thích điện cực thần kinh và các phụ kiện kèm theo
78	10142	Phẫu thuật đặt bộ phát kích thích điện cực tủy sống	Cấy hoặc đặt máy tạo nhịp hoặc cấy máy tạo nhịp phá rung	Chưa bao gồm bộ phát kích thích tủy sống và các phụ kiện kèm theo
79	10143	Phẫu thuật lấy bỏ bộ phát kích thích điện cực thần kinh	Cấy hoặc đặt máy tạo nhịp hoặc cấy máy tạo nhịp phá rung	Chưa bao gồm bộ phát kích thích điện cực thần kinh và các phụ kiện kèm theo
80	10126	Phẫu thuật đặt điện cực sâu điều trị bệnh Parkinson	Phẫu thuật vi phẫu u não đường giữa	Chưa bao gồm hệ thống điện cực kích thích não sâu và các phụ kiện kèm theo
81	18.0521	Chụp và nong cầu nối mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	Chụp mạch máu số hóa xóa nền (DSA)	Chưa bao gồm bóng nong, bộ bơm áp lực, stent, keo nút mạch, các vật liệu nút mạch, các vi ống thông, vi dây dẫn, các vòng xoắn kim loại, Dụng cụ đóng lòng mạch (angioseal; perclose...), Dụng cụ lấy dị vật (multi-snare) trong tim mạch, bộ dụng cụ lấy huyết khối.
82	2.0027	Kỹ thuật đặt van một chiều nội phế quản	Nội soi phế quản dưới gây mê lấy dị vật phế quản	Chưa bao gồm van dẫn lưu nhân tạo các loại, các cỡ

(*) Mã số theo Thông tư 50/2014/TT-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật.